

Số: 64/BC-TTQT

Quảng Trị, ngày 07 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh - độ rung - tiếng ồn tỉnh Quảng Trị tháng 02 năm 2024

Thực hiện Quyết định số 140/QĐ-STNMT ngày 11/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về chương trình Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2024, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh - độ rung - tiếng ồn tháng 02 năm 2024 như sau:

1. Điểm quan trắc: Tại 26 điểm (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Tần suất và thời gian quan trắc:

- Tần suất: 06 đợt/năm.

- Thời gian thực hiện: Ngày 19 - 29/02/2024.

3. Thông số quan trắc: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió, độ rung, tổng bụi lơ lửng, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂, O₃.

4. Kết quả quan trắc:

Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh - độ rung - tiếng ồn tại 26 điểm cho thấy: Tất cả các thông số quan trắc tại 26/26 điểm đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí đối với tổng bụi lơ lửng và các khí độc (CO, NO₂, SO₂, O₃); QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn đối với tiếng ồn; QCVN 27 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung đối với độ rung (Bảng tổng hợp kết quả kèm theo).

Trên đây là báo cáo kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh - độ rung - tiếng ồn tháng 02 năm 2024, Trung tâm kính báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường được biết và chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- | | | |
|--------------------------------------|---|------------|
| - Sở TN&MT; | } | (Báo cáo); |
| - CCBVMT; | | |
| - UBND các huyện, thị xã, thành phố; | | |
| - Trung tâm IOC; | } | (Đưa tin); |
| - Đài PTTH tỉnh; | | |
| - Đài KTTV tỉnh; | | |
| - Báo Quảng Trị; | | |
| - Website Sở TN&MT; | | |
| - LĐT; | | |
| - Lưu: VT, QT. | | |

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Tố Nga

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 64/TTQT-QT ngày 07 tháng 03 năm 2024 của
Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị)

Stt	Tên điểm quan trắc	Kí hiệu	Vị trí lấy mẫu	
			X	Y
1.	CCN Diên Sanh	K17	1845591	606954
2.	Thị trấn Diên Sanh (ngã 3 đường về chợ Diên Sanh và QL 1A)	K14	1846247	605785
3.	Khu vực Mỹ Thủy, xã Hải An	K19	1855349	614784
4.	Điểm phía Tây khu kinh tế Đông Nam (Quy hoạch)	K65	1856069	615471
5.	Khu vực xã Hải Dương	K73	1848482	617683
6.	Giao giữa đường Trần Hưng Đạo và QL 1A thuộc TX. Quảng Trị	K11	1852939	599578
7.	Ngã tư chợ thị xã Quảng Trị	K10	1851114	599962
8.	Thị trấn Ái Tử	K20	1866640	596611
9.	Thị trấn Hồ Xá	K30	1888111	579848
10.	Thị trấn Bến Quan	K31	1882779	569222
11.	Thị trấn Gio Linh	K24	1871838	587912
12.	Trung tâm thị trấn Cửa Việt	K27	1870203	598953
13.	Khu dân cư phía Tây khu công nghiệp Quán Ngang	K26	1868241	588336
14.	Nút giao thông giữa Quốc lộ 1A và đường 9D	K2	1860516	590236
15.	KCN Nam Đông Hà	K5	1857391	591986
16.	Khu phố 1, phường 4, Đông Hà (gần Công ty TNHH Minh Hưng Quảng Trị)	K6	1860417	588819
17.	Ngã ba chợ Đông Hà	K3	1857959	588697
18.	Trạm khí tượng Đông Hà	KQG1	1864421	588109
19.	Khu vực khai thác đá xã Cam Thành, Cam Lộ	K42	1856713	566201
20.	Thị trấn Cam Lộ	K39	1859059	579019
21.	Điểm tại khu vực thị trấn Krong Klang, huyện Đakrong	K51	1845656	566919
22.	Cửa khẩu La Lay	K55	1805051	577861
23.	Khu Kinh tế đặc biệt Lao Bảo (đối diện Cao su Camel)	K48	1837987	537227
24.	Thị trấn Khe Sanh	K44	1838960	551789
25.	Khu vực thôn Tà Ri, xã Húc	KN5	1838890	551365
26.	Điểm tại cụm Công nghiệp Hướng Tân	K60	1843425	545284